

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS - PT

Ngày 25 - 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quyết Thắng

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Phạm Ngọc Toàn

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLPT-DS ngày 23/7/2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐ-PT ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 52/2021/QĐ-PT ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Số nhà 168, đường N, tổ 09, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.  
Có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D - Địa chỉ: Số 356, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

**2. *Bị đơn:*** Anh Trịnh Xuân T

Địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

*Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn:* Anh Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số nhà 007, đường T, tổ 17, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T;

Địa chỉ: Số nhà 285, đường M, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

*Người đại diện theo pháp luật:* Anh Trịnh Xuân T - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Trịnh Xuân T.

**5. Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:**

Do quen biết với anh Trịnh Xuân T nên chị Nguyễn Thị T có cho anh T vay tổng số tiền 2.260.000.000 đồng, vay làm 3 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 21/8/2017, chị T và anh T lập Hợp đồng vay số tiền 1.5000.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng H, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Chị T đã giao tiền cho anh T tại số nhà 285 đường M, phường P là trụ sở công ty của anh T. Khoản tiền vay này được vay làm nhiều lần khác nhau từ trước khi lập Hợp đồng nhưng khi vay không làm giấy tờ vì anh T có đưa cho chị T 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) để đảm bảo, cụ thể: 01 GCNQSDĐ mang tên anh Trần Hữu X và 01 GCNQSDĐ mang tên ông Trần Hữu X và bà Nguyễn Thị T; 01 GCNQSDĐ mang tên chị N (chị T không nhớ họ tên vì đã trả giấy này cho anh T).

Lần 2: Ngày 22/11/2017, chị T cho anh T vay số tiền 300.000.000 đồng, chị T chuyển vào số tài khoản cá nhân của anh T và hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng

Lần 3: Ngày 09/4/2018 anh T vay số tiền 460.000.000 đồng mục đích để mua chiếc xe Foranger BKS 24C 07160 mà anh T nhờ người đứng tên. Hai bên có làm Giấy xác nhận trong đó ghi rõ thỏa thuận khi giao tiền để anh T tắt toán khoản vay tại Ngân hàng HD bank thì sau 20 ngày anh T sẽ sang tên chiếc xe cho chị T.

Đến hạn trả tiền, chị T hỏi nhiều lần nhưng anh T nói hiện tại không có tiền và chị T cũng cho anh T thêm thời gian để thu xếp trả tiền. Ngày 26/10/2019 chị T đã gửi thông báo về việc yêu cầu thanh toán tiền cho anh T nhưng đến nay anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Việc anh T cho rằng không vay số tiền 1.500.000.000 đồng mà đây là số tiền chị T mua cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T là không

đúng. Từ tháng 9/2017 đến tháng 9/2018 do Công ty không có nhân viên nên anh T có nhờ chị T sang làm công việc phụ trách hành chính của Công ty. Trong suốt thời gian làm việc, chị T không được thanh toán lương mà chỉ có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty, được đóng bảo hiểm xã hội 02 năm từ thời điểm tháng 9/2017 đến tháng 9/2019. Cuối năm 2018, anh T thay đổi chủ trương đầu tư dự án của Công ty và nâng vốn điều lệ. Anh T nói sẽ cho chị T đứng tên 5% cổ phần như đã hứa khi vay tiền và lập hồ sơ tăng vốn điều lệ, chị T có ký vào Biên bản họp Hội đồng quản trị là Thư ký ghi biên bản nhưng thực tế không có cuộc họp cổ đông nào tại thời điểm này. Tất cả thủ tục tăng vốn điều lệ và bổ sung tên chị T vào Công ty đều là thủ tục trên giấy tờ chứ không có bất kỳ khoản tiền nào được chuyển vào Công ty với mục đích góp vốn hay nâng vốn điều lệ. Chị T và anh T cũng không có bất cứ thỏa thuận nào về việc hưởng lợi nhuận từ việc chị tham gia vào Công ty và vấn đề thống nhất số tiền cho anh T vay cá nhân chuyển thành mua cổ phần như anh T trình bày. Trong thời gian làm việc ở Công ty (tháng 4/2019 chị T nghỉ việc) thì chị T chỉ được đóng tiền bảo hiểm xã hội trong 02 năm, ngoài ra không được trả lương cũng như được hưởng quyền lợi gì từ Công ty.

Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả tổng số tiền 2.260.000.000 đồng, không yêu cầu anh T phải trả lãi suất.

***Bị đơn anh Trịnh Xuân T, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày:***

Chị T và anh T quen biết với nhau qua mạng xã hội và chị T biết anh T là Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T. Khoảng cuối tháng 02/2017 chị T chủ động liên lạc với anh T và muốn tham gia việc làm được liệu cùng. Từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2018 chị T có đem tiền tới Văn phòng công ty đưa cho anh T để chuyển vào tài khoản của công ty cụ thể số tiền chốt sổ ngày 21/8/2017 là 1,5 tỷ đồng. Cuối tháng 6/2018 chị T được bổ nhiệm làm Phó giám đốc phụ trách hành chính công ty. Do anh T bận công việc chưa làm thủ tục cho chị T tham gia công ty nên ngày 21/8/2017 hai bên thống nhất tạm thời ra Văn phòng công chứng để lập Hợp đồng vay tổng số tiền 1,5 tỷ đồng. Anh T đã nói về việc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập được từ ba năm trở lên thì không cần ghi tên cổ đông mới vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng chị T không đồng ý mà yêu cầu anh T phải làm đầy đủ thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh. Anh T đã trao đổi điện thoại với các thành viên cổ đông công ty, mặc dù không tổ chức họp nhưng các thành viên của Hội đồng cổ đông gồm anh T, chị Vũ Thị Thanh T, chị Dương Huyền T đều thống nhất nội dung hợp ngày 20/01/2019. Anh T đã lập biên bản và chị T ký tên là Thư ký ghi biên bản, trong biên bản có ghi rõ nội dung về việc chị T góp vốn với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng là do trước đây chị T có vay anh T số tiền 400.000.000 đồng để lo cho người thân bị bệnh nặng bên Đài Loan. Do tin

tưởng nên anh T không làm giấy tờ vay mượn. Sau đó chị T đã chuyển trả 300.000.000 đồng chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân anh T. Số tiền còn lại, chị T trả thành nhiều lần thông qua các giao dịch nội bộ nhưng không có giấy tờ gì.

Đối với số tiền 460.000.000 đồng do nhân viên công chứng không kịp làm thủ tục và còn thiếu khoản phạt tất toán trước hạn nên chưa làm thủ tục sang tên được, anh T đã làm giấy xác nhận về việc tạm giao cho chị T 01 GCNQSDĐ mang tên anh Nguyễn Văn B. Chị T đã đề nghị rút lại để sử dụng nhưng do anh K chồng chị T nhờ anh T tìm mua một chiếc xe ô tô tương ứng với số tiền này nên chị T chưa rút số tiền này về. Anh T xác nhận chưa trả số tiền 460.000.000 đồng này cho chị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc buộc anh T có trách nhiệm trả số tiền 2.260.000.000 đồng thì anh T không nhất trí, và chỉ nhất trí trả cho chị T số tiền là 460.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có Đơn yêu cầu phản tố về việc buộc chị T phải trả lại cho anh 03 GCNQSDĐ đang chiếm giữ trái phép.

***Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T là anh Trịnh Xuân T trình bày:***

Cuối năm 2018, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T (gọi tắt: Công ty T) thực hiện dự án nên cần tăng vốn điều lệ của công ty từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành thủ tục cho chị T chính thức tham gia góp vốn trở thành cổ đông của Công ty. Ngày 28/12/2018 tại văn phòng công ty, sau khi ký hoàn tất hồ sơ chỉnh sửa thay đổi đăng ký kinh doanh, đồng thời yêu cầu chị T đối chiếu lại tất cả các khoản tiền bao gồm khoản tiền anh T đã làm hợp đồng vay đã chuyển sang chính thức góp vốn vào công ty. Tổng số tiền thực tế đã được hai bên đối chiếu lại và chị T đã làm giấy xác nhận đồng ý chuyển 1,5 tỷ đồng vào góp vốn tương ứng với 5% cổ phần trong công ty, phần còn lại chị T đề nghị anh T hoàn trả để chồng chị T mua ô tô. Vì vậy, đối với khoản tiền 1,5 tỷ đồng thì theo quan điểm của Công ty T nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 1.500.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho chị T số tiền 760.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Trịnh Xuân T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 2378 ngày 21/8/2017 tại Văn phòng công chứng H.

3. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả lại cho anh Trịnh Xuân T 03 Giấy chứng nhận QSDĐ gồm: 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số K 720385 do Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai cấp ngày 04/11/1997 cho ông Trần Hữu X; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số U 117774 do Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai cấp ngày 20/11/2001 cho ông Trần Hữu X và bà Nguyễn Thị T và 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số AN 602320 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 13/01/2009 cho ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/7/2021, bị đơn anh Trịnh Xuân T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác bỏ khoản tiền 300.000.000 đồng, xác định số tiền 460.000.000 đồng do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T chịu trách nhiệm. Yêu cầu chị Nguyễn Thị T giải quyết các quyền lợi liên quan với công ty. Xem xét lại trách nhiệm về án phí và yêu cầu chị Nguyễn Thị T bồi thường tổn thất như trong đơn phản tố của anh Trịnh Xuân T đã nộp tại TAND thành phố L.

Ngày 20/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc buộc bị đơn anh Trịnh Xuân T phải có trách nhiệm trả lại số tiền 460.000.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Trịnh Xuân T trả lại số tiền 300.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Xuân T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc anh Trịnh Xuân T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 460.000.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với số tiền 300.000.000 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với số tiền 1.500.000.000 đồng và buộc chị Nguyễn Thị T trả lại cho anh Trịnh Xuân T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trịnh Xuân T có trách nhiệm trả số tiền 2.260.000.000 đồng. Ngày 04/6/2021, chị T có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 21/8/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng H. Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của Bị đơn anh Trịnh Xuân T:

[2.1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Trịnh Xuân T có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, là căn cứ để xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Đối với khoản tiền vay ngày 09/4/2018 với 460.000.000 đồng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng ngày 09/4/2018 anh Trịnh Xuân T có vay số tiền 460.000.000 đồng mục đích để tất toán Hợp đồng chiếc xe ô tô đang thế chấp vay tại Ngân hàng HD Lào Cai. Khi vay anh T có làm Giấy xác nhận trong đó ghi rõ thỏa thuận về việc trong thời hạn 20 ngày (đến ngày 29/4/2018) anh T sẽ hoàn thành thủ tục sang tên xe cho chị T. Chị T có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Giấy xác nhận do anh T viết và ký đề ngày 09/4/2018. Xét thấy nội dung Giấy xác nhận phù hợp với lời khai của chị T về việc thỏa thuận vay số tiền 460.000.000 đồng ngày 09/4/2018 với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy là của mình và chưa trả chị T số tiền này.

Trong Đơn kháng cáo anh T cho rằng hiện nay chiếc xe ô tô hiện nay thuộc sở hữu của Công ty T theo hồ sơ chuyển nhượng tài sản thể hiện Công ty mua lại chiếc xe từ bà Nguyễn Thị Thu T tại HD Bank Lào Cai. Công ty cũng đã có văn

bản xác nhận trách nhiệm liên quan và đưa ra hướng xử lý bằng văn bản trước khi bà Tươi khởi kiện. Anh T cho rằng bản án sơ thẩm xác nhận trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền 460.000.000 đồng là không đúng đối tượng, không xem xét các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan một cách khách quan.

Xét thấy, Giấy xác nhận ngày 09/4/2018 do anh T viết và ký xác nhận trong đó thể hiện anh T nhận của chị T số tiền 460.000.000 đồng với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty T. Việc sau khi nhận tiền anh T sử dụng để tắt toán Hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô đang thế chấp để vay tiền tại ngân hàng và chuyển tài sản là chiếc xe thành tài sản của Công ty là do anh T tự ý quyết định. Sau đó anh T cũng không có thỏa thuận lại với về việc thay đổi đối tượng vay tiền và có trách nhiệm trả tiền cho chị T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh T cũng xác nhận chưa trả số tiền này cho chị T. Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên anh T có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 460.000.000 đồng này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nội dung kháng cáo này của anh T là không có căn cứ.

[2.2.2] Đối với khoản tiền 300.000.000 đồng ngày 22/11/2017:

Nguyên đơn chị T cho rằng ngày 22/11/2017 cho anh T vay số tiền 300.000.000 đồng là thỏa thuận vay cá nhân, chị T đã chuyển số tiền này vào tài khoản cá nhân của anh T. Bị đơn anh T cho rằng khoản tiền này là do trước đó chị T có vay của anh số tiền 400.000.000 đồng, sau đó chuyển trả cho anh T 300.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của anh T tại ngân hàng, số tiền còn lại chị T trả bằng tiền mặt thành nhiều lần khác nhau. Tại cấp sơ thẩm cả chị T và anh T đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh thỏa thuận cho vay tiền, trả tiền theo lời trình bày của mình. Chị T có cung cấp chứng cứ là Ủy nhiệm chi ngày 22/11/2017 trong đó thể hiện khách hàng trả tiền: Nguyễn Thị T, khách hàng thụ hưởng: Trịnh Xuân T, nội dung: “Tươi chuyển tiền”, số tiền 300.000.000 đồng. Như vậy, trong chứng cứ giao dịch là ủy nhiệm chi tại ngân hàng chỉ thể hiện nội dung chị T chuyển tiền vào tài khoản của anh T chứ không ghi rõ chuyển tiền theo thỏa thuận cho anh T vay tiền.

Bị đơn anh T có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Giấy xác nhận đề ngày 26/01/2019 trong đó chị T ký tên là người làm giấy có nội dung: “*Xác nhận tắt toán tổng số tiền đã chuyển cho ông Trịnh Xuân T và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển T đến ngày 26/01/2020 là 1.960.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng)... Các hợp đồng vay mượn, thanh toán trước ngày 26/01/2019 hủy bỏ*”. Nguyên đơn chị T đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký của chị trong Giấy xác nhận này. Theo Kết luận giám định số 31/GĐTL ngày 13/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lào Cai thì “*Chữ ký mang tên Nguyễn Thị T dưới mục “Người làm giấy” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ ký của Người Thị Tươi trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký ra*”. Mặc dù nội dung Giấy xác nhận có điểm không hợp lý khi chị T xác nhận tổng số tiền đến ngày 26/01/2020 trong khi thời

điểm lập giấy thể hiện là 26/01/2019 tuy nhiên xét thấy đây là lỗi sai sót do đánh máy, các đương sự không có ý kiến gì đối với vấn đề này. Về nội dung thể hiện chị T đã xác nhận toàn bộ số tiền đã chuyển cho anh T và Công ty T là 1.960.000.000 đồng, trong đó bao gồm khoản tiền 1.500.000.000 đồng chuyển sang góp vốn mua 5% cổ phần của công ty và số tiền còn lại 460.000.000 đồng là khoản cho mượn để tất toán chiếc xe ô tô Ford Ranger 24C - 07160 tại Ngân hàng HD Bank Lào Cai. Như vậy, bản thân chị T xác nhận về tổng số tiền chuyển cho anh T và Công ty T không bao gồm khoản tiền 300.000.000 đồng ngày 22/11/2017.

Theo những phân tích ở trên thấy rằng không có căn cứ chứng minh việc chị T cho anh T vay số tiền 300.000.000 đồng ngày 22/11/2017. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của anh Trịnh Trọng Khải thừa nhận có biết việc chị T cho anh T vay số tiền 300.000.000 đồng và cho rằng anh T không cung cấp được chứng cứ về việc số tiền này là do chị T trả cho anh vì đã vay tiền trước đó để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với khoản tiền này là không đủ căn cứ, thiếu khách quan. Xét thấy, nội dung kháng cáo của anh T đối với khoản tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, tình tiết khách quan của vụ án.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đối với khoản tiền 300.000.000 đồng chị T cho rằng cho anh T vay ngày 22/11/2017. Xét thấy nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Lào Cai tương tự với nội dung kháng cáo của anh T về khoản tiền 300.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chỉ ngày 22/11/2017 đã phân tích ở trên. Nội dung kháng nghị này của VKSND tỉnh Lào Cai là có căn cứ.

Đối với nội dung kháng nghị về việc Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của anh T nhưng lại tuyên buộc chị T phải trả cho anh T 03 GCNQSDĐ: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh T có Đơn yêu cầu phản tố trong đó yêu cầu Tòa án giải quyết về việc buộc chị T giải quyết quyền lợi liên quan bao gồm số tiền 1.500.000.000 đồng đã góp vào Công ty T để sở hữu 5% cổ phần, khoản tiền 460.000.000 đồng đã được Công ty xác nhận xem xét giải quyết sau khi chị T bàn giao giấy tờ và bồi thường thiệt hại liên quan do bà Tươi tố cáo tại Công an thành phố L, khởi kiện tại Tòa án. Khi anh T có Đơn yêu cầu phản tố, Tòa án sơ thẩm không xem xét các yêu cầu của anh T có phải yêu cầu phản tố không, không thụ lý yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại nhận định và không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T là không đúng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án anh T không có yêu cầu về việc buộc chị T trả lại các GCNQSDĐ đang giữ trái phép nhưng bản án sơ thẩm tuyên về phần này là vượt quá phạm vi yêu cầu của các đương sự. Do đó, kháng nghị của VKSND tỉnh Lào Cai là có



căn cứ chấp nhận, cần hủy bản án sơ thẩm về phần này, anh T có thể khởi kiện đòi lại các GCNQSDD này nếu có căn cứ về việc chị T đang chiếm giữ trái phép trong một vụ án khác.

[4] Trên cơ sở những phân tích ở trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và một phần kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Xuân T. Tại cấp phúc thẩm bị đơn anh T không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình đối với khoản tiền vay 460.000.000 đồng, nguyên đơn chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình đối với khoản tiền 300.000.000 đồng ngày 22/11/2017 là có căn cứ. Vì vậy, xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tươi đối với khoản tiền 460.000.000 đồng, bác phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 300.000.000 đồng; Hủy một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên buộc chị T phải trả lại 03 GCNQSDD cho anh T.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn anh Trịnh Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa một phần và hủy một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo anh Trịnh Xuân T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 308, Điều 309, Điều 311, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Xuân T. Cụ thể như sau:

1.1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T: Buộc anh Trịnh Xuân T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 460.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc buộc anh Trịnh Xuân T có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

1.2. Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về việc: Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả lại cho anh Trịnh Xuân T 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 720385 do Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai cấp ngày 04/11/1997 cho ông Trần Hữu X; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 117774 do Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai cấp ngày 20/11/2001 cho ông Trần Hữu X và bà Nguyễn Thị T và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 602320 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 13/01/2009 cho ông Nguyễn Văn B.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 38.600.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0008864 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 23.600.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Anh Trịnh Xuân T phải chịu 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trịnh Xuân T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Trịnh Xuân T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P, số 0000822 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Số tiền này được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Trịnh Xuân T phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện*

*thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Quyết Thắng**